TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/DS-ST
Ngày 30 – 3 – 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Kiệt.

2/ Bà Sơn Thị Vành Đa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thuỷ - Thư ký viên Toà án nhân dân Khu vực 6 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Cẩm Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2026/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Thương mại cổ phần ((S).**

Địa chỉ: Số B - B Đường N, Phường X, TP Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật Bà: Nguyễn Đức Thạch D, Chức vụ: Tổng Giám Đốc .

** Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:* Bà Đinh Thị Ái T, chức vụ Phó phòng G - Chi nhánh S1. Địa chỉ: Quốc Lộ A, ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ. (*Có mặt*)

- *Bị đơn:*

1/ Bà: **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1971. (*Có yêu cầu xét xử vắng mặt*)

2/ Ông: **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1995. (*Vắng mặt*)

3/ Ông: **Nguyễn Văn T1**, sinh năm: 1997. (*Có yêu cầu xét xử vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã H, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 7 năm 2025*** **người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị Ái T trình bày:**

Ngày 03/08/2022, ông Nguyễn Văn H1 (ông H1 đã chết vào ngày 23/9/2023) có ký với Ngân hàng TMCP ((gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ: JCB, Số thẻ: 356480 – 4786, Hạn mức: 50.000.000 đồng, Ngày ký hợp đồng: 03/8/2022, Lãi suất áp dụng: 2,6%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Nguyễn Văn H1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 51.327.800 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Nguyễn Văn H1 phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Nguyễn Văn H1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 11.920.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Văn H1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Văn H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 16/08/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bảng Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 59.065.578 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông Nguyễn Văn H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 trả số tiền còn thiếu tính đến ngày khởi kiện 28/07/2025 là 117.309.122 đồng. Trong đó: Vốn gốc 59.065.578 đồng, Lãi quá hạn: 03/8/2022, Lãi suất áp dụng: 3,9%/tháng. Lãi suất được thay đổi áp dụng theo Quyết định 2399/2019/QĐ-TTT, ngày 06/08/2019.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn. Đến khi ông H1 chết Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian cho

những người thừa kế của ông H1 gồm vợ bà Nguyễn Thị H cùng con là ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 để trả nợ, tuy nhiên những người thừa kế của ông H1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

*** Những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:**

Buộc những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn H1 là bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/3/2026 là 137.322.682 (Một trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm tám mươi hai đồng) trong đó: Vốn gốc: 59.065.578 đồng, Lãi quá hạn: 78.257.104 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/3/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Tại biên bản lấy khai ngày 13/3/2026 bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Ông Nguyễn Văn H1 là chồng bà, vợ chồng bà có 02 người con là Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn C. Bà thừa nhận chồng bà là ông Nguyễn Văn H1 có vay thẻ tín dụng của Ngân hàng S với số tiền 50.000.000 đồng. Đối với số tiền nợ Ngân hàng yêu cầu khởi kiện thì bà thống nhất trả nhưng từ khi ông H1 chết thì gia đình bà cũng gặp khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

- **Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Văn C**: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho các bị đơn theo địa chỉ ghi trên hợp đồng đã ký kết tại ấp Đ, xã H, thành phố Cần Thơ. Bà Nguyễn Thị H là người trực tiếp nhận thay cho các bị đơn tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đến nay các bị đơn không có ý kiến gì trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng ngày 03/8/2022 thể hiện ông Nguyễn Văn H1 có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần ((gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức được cấp là 50.000.000 đồng với loại thẻ JCB, số thẻ 356480 - 4786, ngày ký 03/08/2022, lãi suất 2,6%/tháng (31,2%/năm). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 51.327.800 đồng (Năm mươi mốt triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm đồng). Nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông H1 đã vi phạm nghiêm trọng hợp đồng đã ký kết là không thực hiện trả vốn, lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận, ông H1 đã chết nên đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc những người thừa kế của ông H1 trả cho Ngân hàng số tiền vốn lãi gồm: Thẻ tín dụng loại thẻ thẻ JCB, số thẻ 356480 – 4786 tính đến ngày 30/3/2026 là 137.322.682 (Một trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm tám mươi hai đồng) trong đó: Vốn gốc: 59.065.578 đồng, Lãi quá hạn: 78.257.104 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/3/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, các bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ ký do, riêng bà H, ông T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng ngày 03/8/2022 thể hiện ông Nguyễn Văn H1 có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phầ((TMCP ((S) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức được cấp là 50.000.000 đồng gồm: Loại thẻ JCB, số thẻ 356480 - 4786, ngày ký 03/08/2022, lãi suất 2,6%/tháng với mục đích tiêu dùng cá nhân, Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Văn H1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 51.327.800 đồng (Năm mươi mốt triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm đồng).

[3] Xét thấy, ông Nguyễn Văn H1 đã thụ hưởng quyền lợi là sử dụng số tiền vay từ thẻ tín dụng của Ngân hàng số tiền 51.327.800 đồng (Năm mươi mốt triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm đồng). Sau đó, ông H1 có thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 11.920.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt Ngân hàng nộp đính kèm) thì ngưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo như thỏa thuận đã vi phạm Điều 24 của Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Vì ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 16/8/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá

nhân của Ngân hàng) với số tiền nợ gốc là 59.065.578 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 7, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[4] Theo Bảng tóm tắt sao kê thẻ tín dụng ngày 30/3/2026 của ông Nguyễn Văn H1 mà Ngân hàng cung cấp thể hiện số tiền ông Nguyễn Văn H1 còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 30/3/2026 là 137.322.682 (Một trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm tám mươi hai đồng) trong đó: Vốn gốc: 59.065.578 đồng, L quá hạn: 78.257.104 đồng. Do ông Nguyễn Văn H1 đã chết nên người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu những người thừa kế của ông H1 gồm vợ bà Nguyễn Thị H cùng các con Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn lãi của thẻ tín dụng tính đến ngày 30/3/2026 số tiền 137.322.682 (Một trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm tám mươi hai đồng) trong đó: Vốn gốc: 59.065.578 đồng, Lãi quá hạn: 78.257.104 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/3/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5], Đối với yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi hết số tiền vốn lãi của của bị đơn bà Nguyễn Thị H: Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng S không thống nhất cho các bị đơn trả dần mà yêu cầu trả một lần nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét cho các bị đơn trả dần. Việc trả dần tiền các bên có thể thoả thuận trong giai đoạn thi hành án.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần (không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 cùng phải chịu án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 466; Điều 468; Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 100; Điều 103, khoản 3 Điều 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 7 và khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần (số tiền vốn lãi của Thẻ tín dụng JCB, số thẻ 356480 – 4786 tính đến ngày 30/3/2026 là 137.322.682 (*Một trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm tám mươi hai đồng*), trong đó: Vốn gốc: 59.065.578 đồng (*Năm mươi chín triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm bảy mươi tám đồng*), Lãi quá hạn: 78.257.104 đồng (*Bảy mươi tám triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm linh bốn đồng*).

Kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần (thì hàng tháng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S ngày 03/8/2022).

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Ngân hàng Thương mại cổ phần (không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần (số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.932.000 đồng (*Hai triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008899, ngày 06/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

2.2/ Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 cùng phải chịu số tiền án phí là 6.866.134 đồng (*Sáu triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi bốn đồng*).

3/ Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND KV6, TP. Cần Thơ;
- Phòng THADS KV6, TP. Cần Thơ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trương Anh Tuấn